

V N K I N
CÔNG C PARIS V B O H S H U CÔNG NGHỊ P

(Thông qua ngày 20.3.1883, c s a i t i Brussels ngày 14.12.1900, t i Washington ngày 2.6.1911, t i LaHay ngày 6.11.1925, t i London ngày 2.6.1934, t i Lisbon ngày 31.10.1958 và t i Stockholm ngày 14..7.1967, và c t n g s a i ngày 28.9.1979)

Danh m c các i u

- i u 1* Thành l p Liên minh; ph m vi c a s h u công nghi p
- i u 2* i x qu c gia i v i công dân các n c thành viên c a Liên minh
- i u 3* c i x t ng ng công dân các n c thành viên c a Liên minh
- i u 4* A n I - sáng ch , m u h u ích, ki u dáng công nghi p, nhãn hi u, b ng tác gi sáng ch : Quy n u tiên; G - patent: Tách n
- i u 4^{bis}* Patent: S c l p c a các patent c p cho cùng m t sáng ch t i các n c khác nhau
- i u 4^{ter}* Patent: Nêu tên nhà sáng ch trong patent
- i u 4^{quater}* Patent: Kh n ng c c p patent trong tr ng h p pháp lu t h n ch vì c bán
- i u 5* A - Patent: Nh p kh u hàng hoá; không s d ng ho c s d ng không y , Li-x ng c ng b c; B - Ki u dáng công nghi p: Không s d ng, nh p kh u hàng hoá; C - nhãn hi u hàng hoá: Không s d ng, khác m u; S d ng b i các ng s h u ch ; D - Patent, m u h u ích, nhãn hi u hàng hoá, ki u dáng công nghi p: ánh d u
- i u 5^{bis}* T t c các quy n s h u công nghi p: Th i h n chi u c n p l phí duy trì hi u l c; Patent: Ph c h i
- i u 5^{ter}* Patent: Các thi t b c c p patent, là m t b ph n c a t u thu , máy bay, ho c ph ng ti n giao thông trên b

- i u 5^{quater}* Patent: nh p kh u s n ph m c s n xu t theo ph ng pháp c b o h t i n c nh p
- i u 5^{quinquies}* Ki u dáng công nghi p
- i u 6* Nhãn hi u: i u ki n ng ký; s c l p c a vi c b o h m t nhãn hi u t i các n c khác nhau
- i u 6^{bis}* Nhãn hi u: Nhãn hi u n i ti ng
- i u 6^{ter}* Nhãn hi u: Các i u c m liên quan n qu c huy, d u ki m tra chính th c và bi u t ng c a các t ch c liên Chính ph
- i u 6^{quater}* Nhãn hi u: Chuy n giao nhãn hi u
- i u 6^{quinquies}* Nhãn hi u: B o h các n c thành viên c a Liên minh các nhãn hi u ã c ng ký m t n c thành viên c a Liên minh
- i u 6^{sexies}* Nhãn hi u: Nhãn hi u d ch v
- i u 6^{septies}* Nhãn hi u: ng ký nhãn hi u d i tên c a ng i i di n ho c i lý mà không c ch nhãn hi u cho phép
- i u 7* Nhãn hi u: B n ch t c a hàng hoá c g n nhãn hi u
- i u 7^{bis}* Nhãn hi u: Nhãn hi u t p th
- i u 8* Tên th ng m i
- i u 9* Nhãn hi u, Tên th ng m i: Thu gi khi nh p kh u hàng hoá có g n trái phép nhãn hi u hàng hoá hay tên th ng m i
- i u 10* Ch d n sai l ch: Thu gi khi nh p kh u hàng hoá có ch d n sai l ch v ngu ng c ho c v ng i s n xu t
- i u 10^{bis}* C nh tranh không lành m nh
- i u 10^{ter}* Nhãn hi u hàng hoá, tên th ng m i, ch d n sai l ch, c nh tranh không lành m nh: Công c b o v , quy n yêu c u toà án xét x
- i u 11* Sáng ch , m u h u ích, ki u dáng công nghi p, nhãn hi u hàng hoá: B o h t m th i t i nh ng cu c tri n lãm qu c t nh t nh
- i u 12* Các c quan chuyên môn v s h u công nghi p c a các n c
- i u 13* H i ng c a Liên minh

- i u 14* *U ban ch p hành*
- i u 15* *V n phòng qu c t*
- i u 16* *Tài chính*
- i u 17* *S a i các i ut 13 n 17*
- i u 18* *Xem xét l i các i ut 1 n 12 và t 18 n 30*
- i u 19* *Các tho thu n riêng*
- i u 20* *Phê chu n ho c gia nh p c a các n c thành viên c a Liên minh, hi u l c c a Công c*
- i u 21* *S tham gia c a các n c không ph i là thành viên c a Liên minh, hi u l c*
- i u 22* *K t qu c a vi c phê chu n ho c gia nh p*
- i u 23* *Gia nh p các v n ki n tr c ó*
- i u 24* *Lãnh th*
- i u 25* *Áp d ng Công c trong ph m vi qu c gia*
- i u 26* *Bãi c*
- i u 27* *Áp d ng các v n ki n tr c ây*
- i u 28* *Gi i quy t tranh ch p*
- i u 29* *Ký k t, ngôn ng , ch c n ng l u gi*
- i u 30* *Các i u kho n chuy n ti p*

i u 1

Thành lập Liên minh; phạm vi các hoạt động công nghiệp

(1) Các nước áp dụng Công ước này hình thành Liên minh bao gồm các hoạt động công nghiệp.

(2) Phạm vi các hoạt động công nghiệp bao gồm patent, mướn thuê ích, kỹ thuật công nghiệp, nhãn hiệu hàng hoá, nhãn hiệu dịch vụ, tên thương mại, chi danh ngôn ngữ cho các tên gọi xuất xứ, và chương trình tranh không lành mạnh.

(3) Các hoạt động công nghiệp phải được chi trả theo nghĩa rộng, không nên chỉ áp dụng cho công nghiệp và thương mại theo đúng nghĩa của chúng mà cho các ngành sản xuất nông nghiệp, công nghiệp khai thác và tất cả các sản phẩm chế biến hoặc sản phẩm tự nhiên như rau vàng, ngọc c, lá thu c lá, hoa qu , gia súc, khoáng sản, nước khoáng, bia, hoa và bột.

(4) Patent bao gồm các loại patent công nghiệp khác nhau được pháp luật của các nước thành viên của Liên minh thừa nhận, chẳng hạn như: patent nhập khẩu, patent hoàn thiện, patent và kỹ thuật chế biến bổ sung.

i u 2

Quy định gia nhập và công dân các nước thành viên của Liên minh

(1) Trong lĩnh vực các hoạt động công nghiệp, công dân của bất kỳ nước thành viên nào cũng được hưởng các ưu đãi như lợi ích công dân của tất cả các nước thành viên khác mà luật pháp của các nước đó quy định hoặc quy định mà; hoàn toàn không ảnh hưởng đến các quy định quy định riêng trong Công ước này. Do đó, họ cũng được hưởng và công bố pháp luật chế định hành vi xâm phạm quyền của mình như những công dân của nước thành

viên khác, miễn là tuân thủ các điều kiện và thủ tục quy định của pháp luật của công dân nước đó.

(2) Tuy nhiên, không thể đưa ra cho công dân của các nước thành viên của Liên minh bất cứ điều kiện nào về việc cư trú hoặc việc đầu tư trực tiếp nước ngoài của họ trong bất kỳ quy định của công nghiệp nào.

(3) Các quy định liên quan đến các điều kiện về thuế và thủ tục hành chính, thẩm quyền xét xử, về các loại chuyển giao dịch hoặc chuyển nhượng quyền lợi địa sản có trong luật về công nghiệp của các nước thành viên của Bộ luật này.

điều 3

Quy định về công dân các nước thành viên của Liên minh

Công dân của các nước không phải thành viên Liên minh nhưng có hộ chiếu có sự đồng ý của công nghiệp thuộc sở hữu và có hiệu lực trên lãnh thổ của một trong những nước thành viên của Liên minh sẽ được xử lý theo cùng một cách như công dân của các nước thành viên của Liên minh.

điều 4

A - nhãn hiệu, m u h u ích, ki u dáng công nghiệp, nhãn hiệu, b n g tác giả sáng ch : Quy n u tiên; G - patent: Tách n

A - (1) Bất kỳ người nào nộp đơn xin cấp bằng sáng chế hoặc xin đăng ký nhãn hiệu, ki u dáng công nghiệp hoặc nhãn hiệu hàng hoá tại một trong các nước thành viên của Liên minh, hoặc người tham gia pháp chế của người đó, trong quá trình nộp đơn các nước khác sẽ không quy định ưu tiên trong thẩm định đơn này.

(2) M i n t n g n g v i n q u c g i a h p l t h e o l u t q u c g i a c a b t k n c t h à n h v i e n c a L i e n m i n h h o c t h e o c á c h i p c s o n g p h n g h o c a p h n g k ý k t g i a c á c n c t h à n h v i e n c a L i e n m i n h u c c o i l à n p h á t s i n h q u y n u t i e n .

(3) n q u c g i a h p l l à b t c n n à o x á c n h n g à y n ó c n p t i q u c g i a l i e n q u a n , b t k s p h n c a n ó s a u n à y s r a s a o .

B - D o ó , v i c n p n s a u ó t i b t k n c t h à n h v i e n n à o k á c t r c k h i k t t h ú c t h i h n n ó i t r e n u k h o n g b c o i l à v o h i u b i b t k h à n h n g n à o c t h c h i n t r o n g k h o n g t h i g i a n ó , c h n g h n b i m t n k á c , b i v i c c o n g b h o c k h a i t h á c s á n g c h , b i v i c a r a t h t r n g c á c s n p h m d p k h u o n k i u d á n g , h o c v i c s d n g n h ã n h i u h à n g h o á , v à n h n g h à n h n g ó k h o n g p h á t s i n h b t k q u y n n à o c h o n g i t h b a h o c b t k q u y n s h u c á n h ã n n à o . M i q u y n m à b e n t h b a t c t r c n g à y n p n u t i e n - n l à c s c h o q u y n u t i e n - v n c d u y t r i t h e o l u t q u c g i a c a m i n c t h à n h v i e n c a L i e n m i n h .

C - (1) T h i h n n ó i t r e n l à 12 t h á n g i v i s á n g c h v à m u h u í c h , 6 t h á n g i v i k i u d á n g c o n g n g h i p v à n h ã n h i u h à n g h o á .

(2) T h i h n n ó i t r e n b t u t n g à y n p n u t i e n ; n g à y n p n u t i e n k h o n g t í n h t r o n g t h i h n .

(3) N u n g à y c u i c ù n g c a t h i h n l à n g à y l c h í n h t h c h o c n g à y C q u a n s h u c o n g n g h i p k h o n g n h n n t i n c c ó y e u c u b o h , t h i h n s c k é o d à i t i n g à y l à m v i c u t i e n t i p t h e o ó .

(4) n n p s a u h i u t h e o n g h a k h o n (2) t r e n â y c p n c ù n g m t i t n g n h t r o n g n u t i e n n p t i c h í n h n c t h à n h v i e n ó c a L i e n m i n h s c c o i l à n u t i e n , v à n g à y n p n ó s l à t h i i m m c t í n h t h i h n u t i e n , n u t i t h i i m n p n s a u , n n p t r c n ó i t r e n ã c r ú t b , k h o n g c x e m x é t t i p h o c b t c h i n h n g c h a a r a x é t n g h i m c o n g c h ú n g v à k h o n g l i b t k q u y n n à o c h a g i i q u y t , v à n u c h a p h i l à c s x i n h n g q u y n u t i e n . L ú c ó ,

n n p tr c s không c dùng làm c s xin h ng quy n u tiên n a.

D - (1) B t k ai mu n h ng quy n u tiên trên c s n n p tr c s ph i khai rõ ngày n p và n c nh n n ó. M i n c ph i n nh ngày mu n nh t ph i khai các d li u ó.

(2) Các d ki n nói trên ph i c công b trong các tài li u c a c quan có th m quy n, c th là trong patent và các b n mô t liên quan.

(3) Các n c thành viên c a Liên minh có th yêu c u b t k ng i khai nào nói trên ph i n p b n sao (b n mô t , b n v v.v...) c a n n p tr c. B n sao - c c quan có th m quy n ã nh n n ó xác nh n - không òi h i b t k s xác nh n nào khác, và trong m i tr ng h p u có th n p m i n phí t i b t k th i i m nào trong vòng 3 tháng k t ngày n p n n p sau. Các n c thành viên có th yêu c u b n sao ph i c n p kèm theo gi y xác nh n ngày n p n ó do chính c quan có th m quy n nói trên c p, và kèm theo b n d ch.

(4) Không c a ra b t k yêu c u nào khác t i th i i m n p n v hình th c i v i b n khai v quy n u tiên. M i n c thành viên c a Liên minh ph i n nh h u qu c a v i c không tho mãn các yêu c u v hình th c quy nh trong i u này, nh ng h u qu ó trong b t k tr ng h p nào c ng không c v t quá m c m t quy n u tiên.

(5) Sau ó, có th yêu c u n p thêm b ng ch ng. B t k ng i nào xin h ng quy n u tiên trên c s n n p tr c u ph i ch ra s n ó; s n này ph i c công b nh quy nh t i kho n (2) trên ây.

E - (1) N u m t n ki u đáng công nghi p n p t i m t n c v i yêu c u h ng quy n u tiên trên c s m t n m u h u ích, th i h n quy n u tiên s là th i h n n nh cho ki u đáng công nghi p.

(2) Ngoài ra, có th cho phép n p m t n m u h u ích t i m t n c v i yêu c u h ng quy n u tiên trên c s m t n sáng ch , và ng c l i.

F - Không m t n c thành viên nào c a Liên minh c t ch i quy n u tiên ho c t ch i m t n sáng ch vì lý do ng i n p n yêu c u h ng quy n u tiên ph c h p, th m chí c khi các quy n u tiên b t ngu n

t nhiên ưu tiên khác nhau, hoặc vì lý do nào có yêu cầu hàng mới hoặc ưu tiên quy định tiên có chế phẩm mới hoặc ưu tiên không nằm trong hoặc các ưu tiên là các yêu cầu hàng quy định tiên, vì ưu tiên là, trong các hai trường hợp đó thì phi tho mãn tính thì ngành nghệ thuật sáng chế theo quy định của luật quốc gia.

Vì những yêu cầu không nằm trong hoặc các ưu tiên là các yêu cầu hàng quy định tiên, vì vậy nên phải làm phát sinh quy định tiên theo những ưu tiên thông thường.

G - (1) Nếu một quy xét nghi m khám nghiệm sáng chế bao gồm ưu tiên sáng chế, người nộp đơn có thể tách ưu tiên thành một số lượng nhất định các ưu tiên riêng và ghi ngày nộp đơn ban đầu làm ngày nộp đơn của mình và ghi nguyên quy định tiên, nếu có.

(2) Người nộp đơn có thể tự mình chia tách ưu tiên sáng chế và ghi ngày nộp đơn ban đầu làm ngày nộp đơn của mình để tách và ghi nguyên quy định tiên, nếu có. Mọi thành viên của Liên minh có quy định xác định các ưu tiên cho phép tách ưu tiên như vậy.

H - Quy định tiên không thể bị chỉ vì lý do là một số yêu cầu sáng chế có yêu cầu hàng quy định tiên không xuất hiện trong số các yêu cầu bổ sung của đơn nộp đơn xuất xứ, vì ưu tiên là toàn bộ các tài liệu của đơn đó để rõ các yêu cầu như vậy.

I - (1) Đơn xin cấp bằng tác giả sáng chế nộp tại quốc gia mà người nộp đơn có quyền lợi là chủ nhân của đơn xin cấp bằng tác giả sáng chế sẽ phát sinh quy định tiên như quy định trong điều này, vì những ưu tiên và hậu quả của đơn xin cấp bằng tác giả sáng chế.

(2) Quốc gia mà người nộp đơn có quyền lợi là chủ nhân của đơn xin cấp bằng tác giả sáng chế và quốc gia xin cấp bằng tác giả sáng chế, người nộp đơn xin cấp bằng tác giả sáng chế sẽ chia hàng quy định tiên trên các đơn xin cấp bằng tác giả sáng chế, nếu muốn hoặc đơn xin cấp bằng tác giả sáng chế, theo những quy định của điều này liên quan đến đơn xin cấp bằng tác giả sáng chế.

*Patent: S ố c l p c a các patent c p cho cùng m t sáng ch
t i các n c khác nhau*

(1) Các patent do công dân c a các n c thành viên c a Liên minh xin c p t i các n c thành viên khác nhau c a Liên minh s ố c l p v i nh ng patent c p cho cùng m t sáng ch nh ng n c khác b t k n c ó có hay không là thành viên c a Liên minh.

(2) Quy nh kho n (1) trên ây ph i hi u theo ngh a không b h n ch , c th v i ngh a là patent c p cho n n p trong th i h n u tiên s ố c l p c v ph ng đi n lý do đ n n hu b ho c ình ch hi u l c, c v ph ng đi n xác nh th i h n hi u l c thông th ng.

(3) Quy nh c a i u này áp đ ng cho t t c nh ng patent ang t n t t i th i i m i u này b t u có hi u l c.

(4) T ng t nh v y, i u này c ng áp đ ng cho c nh ng patent t n t i tr c ho c sau th i i m gia nh p Công c c a nh ng n c thành viên m i.

(5) Các patent c c p các n c thành viên khác nhau c a Liên minh trên c s h ng quy n u tiên có th i h n hi u l c b ng th i h n hi u l c nh th các patent ó c c p mà không h ng quy n u tiên.

i u 4^{ter}

Patent: Nêu tên nhà sáng ch trong patent

Tác gi sáng ch có quy n c nêu tên v i danh ngh a là tác gi sáng ch trong patent.

i u 4^{quater}

Patent: Kh n ng c c p patent trong tr ng h p pháp lu t h n ch v i c bán

Không thể cấp patent và không thể hủy ul c c a patent
vì lý do luật quốc gia c m h o c h n ch vì c bán s n ph m c c p
patent h o c s n ph m thu c b ng ph ng pháp c c p patent .

i u 5

A - Patent: Nh p kh u hàng hoá; không s d ng ho c s d ng không y , Li-x ng c ng b c; B - Ki u dáng công nghi p: Không s d ng, nh p kh u hàng hoá; C - Nhãn hi u hàng hoá: Không s d ng, khác m u; S d ng b i các ng s h u ch ;D - Patent, m u h u ích, nhãn hi u hàng hoá, ki u dáng công nghi p: ánh d u

A - (1) Vi c ch patent nh p kh u vào n c ã c p patent nh ng hàng hoá c ch t o t i b t c m t n c nào là thành viên c a Liên minh s không đ n t i vi c b t c quy n theo patent.

(2) M i n c thành viên c a Liên minh u có quy n a ra nh ng bi n pháp pháp lý quy nh vi c c p li-x ng c ng b c nh m ng n ch n vi c l m đ ng có th n y sinh t vi c th c hi n c quy n c xác l p b i patent, ví d nh không s d ng sáng ch .

(3) Không c quy nh vi c t c quy n patent, tr tr ng h p vi c c p li-x ng c ng b c ch a ng n ch n s l m đ ng nêu trên. Vi c t c quy n ho c hu b patent không c ti n hành tr c khi h t th i h n hai n m k t khi c p li-x ng c ng b c u tiên.

(4) Không c áp đ ng li-x ng c ng b c v i lý do không s d ng ho c s d ng không y tr c khi h t th i h n 4 n m k t ngày n p n xin c p patent ho c 3 n m k t ngày c p patent, tu theo th i h n nào k t thúc mu n h n; li-x ng c ng b c s b rút b n u ch patent ch ng minh c vi c không s d ng c a mình là vì nh ng lý do chính áng. Li-x ng c ng b c nói trên là li-x ng không c quy n và không c chuy n giao, th m chí d i hình th c c p li-x ng th c p, tr tr ng h p chuy n giao cùng v i m t ph n c a c s s n xu t ho c c s th ng m i ang s đ ng li-x ng ó.

(5) Nh ng quy nh trên c ng c áp đ ng cho m u h u ích, v i nh ng s a i b sung c n thi t.

B- Trong bất kỳ hoàn cảnh nào, việc bỏ hộ khẩu công nghiệp cũng không thể hình thành, vì lý do không sản xuất hoặc vì lý do nhập khẩu các hàng hoá từ nước ngoài.

C - (1) Nếu bất kỳ nước nào mà việc sản xuất nhãn hiệu hàng hoá đã đăng ký là bắt buộc, thì việc đăng ký nhãn hiệu hàng hoá chỉ bắt buộc sau một thời gian hợp lý, và chỉ khi mà người có liên quan không bị ảnh hưởng vì việc không sản xuất của mình.

(2) Việc chỉ định nhãn hiệu hàng hoá sản xuất nhãn hiệu theo mẫu khác biệt về chi tiết, nhưng không làm thay đổi tính phân biệt của nhãn hiệu theo mẫu đã đăng ký tạm thời của thành viên bất kỳ của Liên minh sẽ không dẫn tới việc hình thành đăng ký và không thể hình thành hộ khẩu đã dành cho nhãn hiệu.

(3) Việc các cơ sở thương mại hoặc công nghiệp cũng coi là người sử dụng của nhãn hiệu theo quy định của luật của nước bỏ hộ khẩu sản xuất cùng một nhãn hiệu trên một loại hàng hoá giống nhau hoặc tương tự sẽ không ngăn cản việc đăng ký hoặc hình thành hộ khẩu nhãn hiệu đối với bất kỳ hình thức nào của thành viên nào của Liên minh, nếu việc sản xuất đó không gây nhầm lẫn cho công chúng và trái với lợi ích xã hội.

D - Không cần đòi hỏi đăng ký trên hàng hoá mà chỉ đơn thuần chú ý tới vấn đề patent, mẫu hữu ích, và việc đăng ký nhãn hiệu hàng hoá hoặc hộ khẩu công nghiệp như là một điều kiện công nhận quyền của hộ khẩu.

Điều 5^{bis}

Tất cả các quy định của công nghiệp: Thời hạn chi trả tiền lệ phí duy trì hiệu lực; Patent: Phí đăng ký

(1) Thời hạn tối thiểu là 6 tháng phí gia hạn thêm theo thời hạn vì tiền lệ phí duy trì hiệu lực quy định của công nghiệp, và nếu không nộp lệ phí bổ sung nếu luật gia quy định.

(2) Các nước thành viên của Liên minh có quy định pháp lý về quyền sở hữu trí tuệ trong trường hợp phát minh mới vì không nộp phí.

Điều 5^{ter}

Patent: Các thiết bị được cấp bằng sáng chế, là một bộ phận của tàu, máy bay, hoặc phương tiện giao thông trên biển

Trong mỗi nước thành viên của Liên minh, các hành động sau đây không được coi là xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ:

1. Sử dụng các thiết bị được cấp bằng sáng chế của quyền sở hữu trí tuệ trên thân tàu, trên máy bay, trên cầu, trên phà và các thiết bị khác trên tàu thủy được quy định của các nước thành viên khác của Liên minh khi các tàu này tham gia hoạt động tự nhiên đi vào lãnh thổ của nước đó, vì đi vào khi cần ứng phó với tình huống khẩn cấp để đáp ứng nhu cầu của tàu;

2. Sử dụng các thiết bị hoặc các thiết bị phụ trợ hoặc phương tiện giao thông trên biển được cấp bằng sáng chế của quyền sở hữu trí tuệ trong khu vực hoặc hoạt động của các máy bay hoặc phương tiện giao thông trên biển của các nước thành viên khác của Liên minh, khi các phương tiện này tham gia hoạt động tự nhiên đi vào nước nói trên.

Điều 5^{quater}

Patent: nhập khẩu sản phẩm được sản xuất theo phương pháp công nghệ mới

Trong trường hợp sản phẩm được nhập khẩu vào một nước thành viên của Liên minh mà nước này có bằng sáng chế cho phương pháp sản xuất sản phẩm nói trên thì chủ sở hữu bằng sáng chế có quyền mà luật pháp nước nhập khẩu dành cho chủ sở hữu bằng sáng chế đối với các sản phẩm được chế tạo trong nước trên cơ sở bằng sáng chế và phương pháp sản xuất nhập khẩu.

i u 5 ^{quinquies}

Ki u đáng công nghi p

Ki u đáng công nghi p ph i c b o h t i t t c các n c thành viên c a Liên minh.

i u 6

*Nhãn hi u: i u ki n ng ký; s c l p c a vi c b o h
m t nhãn hi u t i các n c khác nhau*

(1) i u ki n n p n và ng ký nhãn hi u hàng hoá ph i c quy nh t i lu t qu c gia c a m i n c thành viên c a Liên minh.

(2) Tuy v y, m t n ng ký nhãn hi u do công dân c a m t n c thành viên c a Liên minh n p t i b t c n c nào trong Liên minh c ng không th b t ch i - ho c m t ng ký nhãn hi u c ng không th b hu b - v i lý do r ng vi c n p n, ng ký, ho c gia h n t i n c xu t x không có hi u l c.

(3) M t nhãn hi u ã ng ký h p l t i m t n c thành viên c a Liên minh c coi là không ph thu c vào các nhãn hi u ng ký t i các n c thành viên khác c a Liên minh, k c n c xu t x .

i u 6^{bis}

[Nhãn hi u: Nhãn hi u n i t i ng]

(1) M t cách m c nhiên n u lu t qu c gia cho phép i u ó, ho c theo ngh c a bên có liên quan, các n c thành viên c a Liên minh có trách nhi m t ch i ho c hu b ng ký, ng n c m vi c s d ng nhãn hi u mà nhãn hi u ó là s sao chép, b t ch c, biên d ch, và có kh n ng gây nh m l n v i nhãn hi u ã c c quan có th m quy n c a n c ng ký ho c n c s d ng coi là nhãn hi u n i t i ng t i n c ó c a ng i c Công c cho h ng l i th s d ng nhãn hi u ó trên các lo i hàng hoá gi ng

Các nước thành viên của Liên minh cũng không bắt buộc phải áp dụng các quy định nói trên, nhưng vì các số đăng hộ khẩu ký nêu tại điểm (a) trên đây vẫn bị coi là không gây trở ngại cho công chúng và sự tiện lợi của mối liên hệ giữa các quốc gia có liên quan và huy hiệu, cờ, các biểu tượng khác, tên viết tắt, tên viết tắt, hoặc vì các số đăng hộ khẩu ký rõ ràng là vẫn bị coi là không nhằm gây nhầm lẫn cho công chúng và sự tiện lợi của mối quan hệ giữa các quốc gia.

(2) Việc cấm sử dụng các dấu hiệu kỹ thuật xác nhận và bảo đảm chính thức chỉ áp dụng trong các trường hợp khi nhãn hiệu có chứa đựng những số đăng trên hàng hoá cùng loại hoặc tương tự.

(3) (a) Áp dụng các quy định này, các nước thành viên của Liên minh tho thu nhận thông qua Văn phòng quốc tế thông báo cho nhau danh sách các biểu tượng quốc gia, các dấu hiệu kỹ thuật xác nhận và bảo đảm chính thức mà họ muốn đưa vào bảo hộ hoặc sau này sẽ đưa vào bảo hộ toàn bộ hoặc có gì hạn chế theo quy định của điều này, và tất cả những thay đổi tiếp theo của bản danh sách đó. Các nước thành viên của Liên minh có trách nhiệm kịp thời thông báo cho Văn phòng quốc tế về những biến đổi danh sách đã được thông báo.

Tuy vậy, việc thông báo này không là bắt buộc đối với quốc gia các quốc gia.

(b) Các quy định của điều (b) khoản (1) của điều này chỉ áp dụng cho huy hiệu, cờ, các biểu tượng khác, tên viết tắt, tên viết tắt của các tổ chức quốc tế liên Chính phủ như các tổ chức này đã thông báo cho các nước thành viên của Liên minh thông qua Văn phòng quốc tế.

(4) Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày nhận được thông báo, bất cứ nước thành viên nào của Liên minh cũng có thể chuyển trách nhiệm của mình, nếu có, về nước hoặc tổ chức quốc tế liên Chính phủ có liên quan, thông qua Văn phòng quốc tế.

(5) Đối với quốc gia các nước, các biện pháp quy định theo khoản (1) nêu trên, chỉ áp dụng đối với các nhãn hiệu được đăng ký sau ngày 6.11.1925.

(6) i v i các bi u t ng qu c gia, tr qu c k , và các d u hi u và d u xác nh n chính th c c a các n c thu c Liên minh, và i v i huy hi u, c , các bi u t ng khác, tên vi t t t và tên y c a các t ch c qu c t liên Chính ph , các quy nh này ch áp d ng i v i nhữn hi u c ng ký sau hai tháng k t ngày nh n c thông báo quy nh t i kho n (3) nêu trên.

(7) Trong tr ng h p có d ng ý x u, các n c có quy n hu b th m chí c các nhữn hi u ã c ng ký tr c ngày 6. 11. 1925 có ch a bi u t ng, d u hi u, d u xác nh n qu c gia.

(8) Công dân c a b t c n c nào c phép s d ng bi u t ng, d u hi u, d u hi u xác nh n qu c gia c a n c mình, có th s d ng các d u hi u ó, ngay c khi chúng t ng t v i các bi u t ng nh v y c a n c khác.

(9) Các n c thành viên c a Liên minh ph i ng n c m vi c s d ng trái phép trong th ng m i các qu c huy c a các n c thành viên khác c a Liên minh, n u vi c s d ng ó v b n ch t có th gây nh m l n v xu t x c a hàng hoá.

(10) Các quy nh trên không ng n c n các n c thành viên th c hi n quy n c quy nh trong kho n (3) i u 6^{quinquies}, m c B nh m t ch i ng ký ho c hu b ng ký các nhữn hi u có ch a trái phép các huy hi u, c , bi u t ng qu c gia khác, ho c các d u hi u và d u xác nh n chính th c c ch p nh n b i các n c thành viên c a Liên minh, c ng nh các d u hi u phân bi t c a các t ch c qu c t liên Chính ph quy nh t i kho n (1) nêu trên.

i u 6^{quater}

Nhữn hi u: Chuy n giao nhữn hi u

(1) Trong tr ng h p lu t c a m t n c thành viên c a Liên minh, quy nh r ng vi c chuy n giao nhữn hi u ch có hi u l c n u th c hi n ng th i v i vi c chuy n giao c s s n xu t ho c th ng m i có nhữn

hi u, thì i u ki n công nh n hi u l c c a vi c chuy n giao ó là b ph n c a c s s n xu t ho c th ng m i n m trên lãnh th n c ó c ng c chuy n giao cho ng i nh n cùng v i c quy n s n xu t ho c bán hàng hoá mang nhãn hi u t i n c ó.

(2) Quy nh nêu trên không n nh trách nhi m cho các n c thành viên c a Liên minh liên quan n hi u l c c a vi c chuy n giao m t nhãn hi u khi mà ng i nh n chuy n giao s d ng nhãn hi u ó, trong th c t , v b n ch t có th gây nh m l n cho công chúng, c bi t là v xu t x , b n ch t, ch t l ng ch y u c a hàng hoá mang nhãn hi u.

i u 6^{quinquies}

Nhãn hi u: B o h các n c thành viên c a Liên minh các nhãn hi u ã c ng ký m t n c thành viên c a Liên minh

A - (1) B t c nhãn hi u nào c ng ký h p l t i n c xu t x c ng ph i c ch p nh n n p n và b o h nh nó v n có t i các n c thành viên khác c a Liên minh, v i m t s quy nh t i i u này. Các n c này có th , tr c khi k t thúc quá trình ng ký, yêu c u xu t trình Gi y ch ng nh n ng ký nhãn hi u t i n c xu t x do c quan có th m quy n c p. Gi y ch ng nh n ó không c n ph i xác nh n.

(2) N c c coi là n c xu t x là n c thành viên c a Liên minh mà ng i n p n có c s s n xu t ho c th ng m i th c s và có hi u qu , ho c n u không có c s nh v y trong ph m vi Liên minh thì là n c thành viên c a Liên minh mà ng i n p n có ch c nh, ho c n u không có ch c nh trong ph m vi Liên minh thì là n c thành viên c a Liên minh mà ng i n p n là công dân.

B - Tr c các tr ng h p sau ây, các nhãn hi u thu c ph m vi hi u l c c a i u này s không b t ch i vi c ng ký ho c b hu b :

1. Khi các nhãn hi u ó xâm ph m quy n c a bên th ba t i n c có yêu c u b o h .

2. Khi các nhãn hi u ó không h có b t c d u hi u phân bi t nào, ho c ch bao g m toàn các d u hi u ho c ch d n c s d ng trong th ng m i ch ch ng lo i, ch t l ng, s l ng, m c ích s d ng, giá tr , xu t x c a hàng hoá, ho c th i gian s n xu t, ho c ã tr thành thông đ ng trong ngôn ng hi n th i ho c trong t p quán th ng m i lãnh m nh và lâu i t i n c có yêu c u b o h .

3. Khi các nhãn hi u ó trái v i o c ho c tr t t công c ng, c bi t v b n ch t chúng có th gây nh m l n cho công chúng. i u này c hi u r ng nhãn hi u không th b coi là xâm ph m tr t t công c ng ch vì lý do duy nh t là nhãn hi u ó không phù h p v i m t quy nh nào ó c a pháp lu t v nhãn hi u, tr tr ng h p chính quy nh ó liên quan n tr t t công c ng.

Tuy v y, quy nh này v n ph thu c vào vi c áp d ng i u 10^{bis}

C - (1) xác nh vi c b o h nhãn hi u có thích h p hay không, c n ph i tính t i t t c các hoàn c nh th c t , c bi t là kho ng th i gian mà nhãn hi u ã c s d ng.

(2) Không có nhãn hi u nào b t ch i t i các n c thành viên khác c a Liên minh ch v i m t lý do duy nh t r ng nhãn hi u ó khác bi t v i nhãn hi u ang c b o h t i n c xu t x ch b i các y u t không làm thay i kh n ng phân bi t c a nhãn hi u, và không làm nh h ng n tính ng nh t c a nhãn hi u theo m u mà nhãn hi u ó ã c ng ký t i n c xu t x nói trên.

D - Không ai c s d ng các quy nh c a i u này, n u nhãn hi u yêu c u b o h không c ng ký t i n c xu t x .

E- Tuy v y, trong b t k tr ng h p nào, vi c gia h n m t nhãn hi u t i n c xu t x c ng không d n t i trách nhi m ph i gia h n t i các n c thành viên khác c a Liên minh là n i mà nhãn hi u ó ã c ng ký.

F - Quy n u tiên không b nh h ng i v i các n ng ký nhãn hi u c n p trong th i h n quy nh t i i u 4, th m chí n u vi c ng ký t i n c xu t x có hi u l c sau khi h t th i h n ó.

i u 6^{sexies}

Nhãn hi u: Nhãn hi u d ch v

Các n c thành viên c a Liên minh có trách nhi m b o h nhãn hi u d ch v . Các n c này không b b t bu c ph i nh ra vi c ng ký các nhãn hi u ó.

i u 6^{septies}

Nhãn hi u: Ng ký nhãn hi u d i tên c a ng i i di n ho c i lý mà không c ch nhãn hi u cho phép

(1) N u i lý ho c ng i i di n c a ng i là ch nhãn hi u t i m t trong s các n c thành viên c a Liên minh v n n p n ng ký nhãn hi u cho chính mình t i m t ho c nhi u n c thành viên c a Liên minh, mà không c s cho phép c a ng i ch ó thì ch nhãn hi u có quy n ph n i vi c ng ký ho c ngh hu b vi c ng ký ó, ho c, n u lu t qu c gia cho phép, chuy n vi c ng ký ó cho mình, tr tr ng h p i lý ho c ng i i di n bi n h c cho hành ng c a mình.

(2) Ng i ch nhãn hi u, theo các quy nh t i kho n (1) nêu trên, có quy n ph n i vi c i lý ho c ng i i di n s d ng nhãn hi u c a mình n u không cho phép vi c s d ng ó.

(3) Lu t qu c gia có th quy nh m t th i h n h p lý mà theo ó ch nhãn hi u có th th c hi n quy n ã c quy nh t i i u này.

i u 7

Nhãn hi u: B n ch t c a hàng hoá c g n nhãn hi u

Trong b t c tr ng h p nào thì b n ch t c a hàng hoá c g n nhãn hi u c ng không t o ra tr ng i cho vi c ng ký nhãn hi u.

i u 7^{bis}

Nhãn hi u: Nhãn hi u t p th

(1) Các n c thành viên c a Liên minh có trách nhi m ch p nh n n ng ký và b o h các nhãn hi u t p th thu c v các t p th mà s t n t i c a các t p th ó không trái v i lu t pháp c a n c xu t x , th m chí n u các t p th ó không s h u c s công nghi p và th ng m i.

(2) M i n c ph i t xác nh các i u ki n c th mà theo ó nhãn hi u t p th s c b o h và có th t ch i b o h n u nhãn hi u ó trái v i l i ích xã h i.

(3) Tuy v y, trong tr ng h p mà s t n t i c a t p th ó không trái v i lu t pháp c a n c xu t x , vi c b o h các nhãn hi u này không th b t ch i v i lý do r ng t p th ó không c thi t l p t i n c c yêu c u b o h ho c không c thi t l p theo lu t c a n c ó.

i u 8

Tên th ng m i

Tên th ng m i c b o h t t c các n c thành viên c a Liên minh mà không b b t bu c ph i n p n ho c ng ký, b t k tên th ng m i ó có hay không là m t ph n c a m t nhãn hi u hàng hoá.

i u 9

Nhãn hi u, Tên th ng m i: Thu gi khi nh p kh u hàng hoá có g n trái phép nhãn hi u hàng hoá hay tên th ng m i

(1) T t c hàng hoá mang nhãn hi u hàng hoá ho c tên th ng m i m t cách b t h p pháp u b thu gi khi nh p kh u vào nh ng n c thành

viên của Liên minh nhà sản xuất hàng hoá hoặc tên thương mại ở các
bộ phận pháp lý.

(2) Việc thu giữ hàng hoá của người bán hàng hoá hoặc tên thương mại một cách trái phép hoặc tên của
nhà hàng hoá đã nhập khẩu vào.

(3) Theo luật quốc gia của mình, việc thu giữ hàng hoá của người bán
hành theo yêu cầu của cơ quan công tố, hoặc các bất kỳ cơ quan có thẩm
quyền nào khác, hoặc các bất kỳ cá nhân hoặc pháp nhân nào có liên quan.

(4) Các cơ quan có thẩm quyền không bắt buộc phải thu giữ hàng
hoá quá mức.

(5) Nếu luật pháp quốc gia của mình không cho phép thu giữ
hàng hoá khi nhập khẩu, việc thu giữ của thay thế bằng biện pháp cầm
nhập khẩu hoặc thu giữ hàng hoá trong nội địa.

(6) Nếu luật pháp quốc gia của mình không cho phép thu giữ
hàng hoá khi nhập khẩu, cơ quan không cho phép cầm nhập khẩu hoặc thu
giữ hàng hoá trong nội địa thì, chính quyền luật quốc gia đó chấp hành
các biện pháp phù hợp, bằng biện pháp đó thay thế bằng các hành
động và biện pháp phù hợp mà luật của nước đó áp dụng trong những
trường hợp tương tự với các công dân của mình.

Điều 10

*Chức năng sai lệch: Thu giữ khi nhập khẩu hàng hoá có chức năng sai lệch và
nguồn gốc hàng hoá nhập khẩu*

(1) Các quy định của điều này cũng áp dụng trong trường
hợp sản xuất trực tiếp hoặc gián tiếp các chức năng sai lệch và nguồn gốc của
hàng hoá hoặc của nhà sản xuất, nhà công nghiệp, hoặc thương gia.

(2) Bất kỳ nhà sản xuất, nhà công nghiệp, hoặc thương gia nào, dù là
cá nhân hay pháp nhân, mà tham gia vào việc sản xuất, chế tạo hoặc buôn
bán các hàng hoá đó và có các sản phẩm của mình bị chức năng sai lệch
là nguồn gốc, hoặc tất cả vùng có nguồn gốc, hoặc tên của các chức năng sai

l ch, ho c t i n c mà ch d n sai l ch v ngu n g c c s d ng, thì trong b t k tr ng h p nào c ng c coi là bên có liên quan.

i u 10^{bis}

C nh tranh không lành m nh

(1) Các n c thành viên c a Liên minh có trách nhi m b o m cho công dân c a các n c thành viên ó s b o h có hi u qu ch ng l i hành ng c nh tranh không lành m nh.

(2) B t c hành ng nào trái v i t p quán trung th c trong công nghi p và th ng m i u b coi là hành ng c nh tranh không lành m nh.

(3) C th , nh ng hành ng sau ây ph i b ng n c m:

1. t t c nh ng hành ng có kh n ng gây nh m l n d i b t c hình th c nào i v i c s , hàng hoá, ho c ho t ng s n xu t, kinh doanh c a ng i c nh tranh;

2. nh ng kh ng nh sai l ch trong ho t ng th ng m i có kh n ng gây m t uy tín i v i c s , hàng hoá, ho t ng công nghi p ho c th ng m i c a ng i c nh tranh;

3. nh ng ch d n ho c kh ng nh mà v i c s d ng chúng trong ho t ng th ng m i có th gây nh m l n cho công chúng v b n ch t, quá trình s n xu t, tính ch t, tính thích h p s d ng ho c s l ng c a hàng hoá.

i u 10^{ter}

[Nhãn hi u hàng hoá, tên th ng m i, ch d n sai l ch, c nh tranh không lành m nh: Công c b o v , quy n yêu c u toà án xét x]

(1) Các n c thành viên c a Liên minh có trách nhi m b o m cho công dân c a các n c thành viên khác c a Liên minh các công c pháp lý thích h p ng n ch n có hi u qu t t c các hành ng c nêu t i các i u 9, 10, và 10^{bis}.

(2) Ngoài ra, các nước có trách nhiệm đưa ra các biện pháp cho phép các liên đoàn, hiệp hội đi đến cho quy định của các nhà công nghiệp, các nhà sản xuất, hoặc các thương gia, với điều kiện sự tồn tại của các liên đoàn và hiệp hội đó không trái với luật của nước họ, các kinh tế toà án hoặc các cơ quan hành chính nhằm mục đích ngăn chặn các hành vi kinh doanh nêu tại các điều 9, 10 và 10^{bis}, trong phạm vi mà luật của nước có yêu cầu bắt buộc cho phép thực hiện với các kinh doanh của các liên đoàn và hiệp hội này.

điều 11

*Sáng chế, mô hình hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hoá: Bảo hộ
tạm thời đối với những nguyên nhân kinh tế*

(1) Các nước thành viên của Liên minh, theo luật quốc gia của mình, dành sự bảo hộ tạm thời cho các sáng chế, mô hình hữu ích, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu hàng hoá có khả năng bảo hộ với các hàng hoá trong bất kỳ các nguyên nhân kinh tế chính thức hoặc các công nhận là chính thức của các nước.

(2) Sự bảo hộ tạm thời nêu trên không được kéo dài quá thời hạn quy định tại điều 4. Nếu sau này có yêu cầu quy định tiên thì các cơ quan có thẩm quyền của mỗi nước có thể tính thời hạn bắt đầu từ ngày bày hàng hoá tại nguyên nhân.

(3) Mỗi nước có thể yêu cầu, như là chứng minh cụ thể, những bất cứ sản phẩm được trưng bày và của ngày trưng bày, các tài liệu nước đó cho là cần thiết.

điều 12

Các cơ quan chuyên môn về sở hữu công nghiệp của các nước

(1) Mỗi thành viên của Liên minh có trách nhiệm thành lập một cơ quan chuyên môn về sở hữu công nghiệp và một cơ quan Trung ương công bố cho công chúng các patent sáng chế, các mẫu hữu ích, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu hàng hoá.

(2) Cơ quan chuyên môn này xuất bản những Công báo chính thức. Cơ quan có thẩm quyền xuyên công bố:

(a) tên chính và bản ngữ bô h và tên tóm tắt của các sáng chế đã công bố và bản ngữ;

(b) phiên bản của các nhãn hiệu đã công bố ký.

đ i u 13

H i ệ n g c a Liên minh

(1) (a) Liên minh có Hội đồng bao gồm các thành viên của Liên minh bầu ra một ủy ban các điều 13 và 17.

(b) Chính phủ của mỗi nước có thẩm quyền bí mật, ủy ban này có thể có các cố vấn, các cố vấn và các chuyên viên giúp việc.

(c) Các khoản chi phí của mỗi nước bí mật do Chính phủ nước đó trang trải

(2) (a) Hội đồng:

(i) xem xét tất cả các vấn đề liên quan đến việc duy trì và phát triển Liên minh và việc thi hành Công ước này;

(ii) đưa ra các đề nghị liên quan đến việc chuyển các hình thức về việc xem xét lại cho Văn phòng Sở hữu trí tuệ quốc tế (sau đây gọi là Văn phòng quốc tế) - theo Công ước về việc thành lập Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (sau đây gọi là Tổ chức), có lợi ích thích đáng đến các ý kiến của các thành viên của Liên minh không bầu ra một ủy ban các điều 13 và 17;

(iii) xem xét và chuyển các báo cáo và hồ sơ của Tổng Giám đốc của Tổ chức liên quan đến Liên minh và đưa ra cho Tổng Giám

c t t c các ch d n c n thi t v các v n thu c th m quy n c a Liên minh;

(iv) b u c các thành viên c a U ban ch p hành c a H i ng;

(v) xem xét và chu n y các báo cáo và ho t ng c a U ban ch p hành và a ra các ch d n cho U ban ch p hành;

(vi) xác nh ch ng trình, thông qua ngân sách 3 n m c a Liên minh và chu n y các quy t toán tài chính c a Liên minh;

(vii) chu n y các quy nh v tài chính c a Liên minh;

(viii) thành l p các U ban chuyên viên và các Nhóm công tác n u th y c n thi t t c các m c ích c a Liên minh;

(ix) xác nh nh ng n c nào không ph i là thành viên c a Liên minh và nh ng t ch c qu c t phi Chính ph và t ch c liên Chính ph nào c ch p nh n tham d các cu c h p c a Liên minh v i t cách quan sát viên;

(x) thông qua các s a i các i u t 13 n 17;

(xi) ti n hành b t k ho t ng nào khác phù h p nh m ph c v cho nh ng m c ích c a Liên minh;

(xii) th c hi n t t c các ch c n ng khác theo Công c này;

(xiii) th c hi n các quy n mà Công c thành l p T ch c dành cho mình n u ng ý.

(b) i v i các v n c ng là m i quan tâm c a các Liên minh khác do T ch c i u hành thì H i ng thông qua quy t nh sau khi tham kh o ý ki n c a U ban ph i h p c a T ch c.

(3) (a) Theo các i u kho n c a i m (b), m t i bi u ch có th i đi n cho m t n c.

(b) Các n c thành viên c a Liên minh ã th ng nh t v i nhau theo m t tho thu n riêng và ã thành l p m t c quan chung óng vai trò c quan qu c gia v s h u công nghi p i v i m i n c theo i u 12, có th cùng c i đi n trong th i gian th o lu n b ng m t n c trong s các n c ó.

(4) (a) M i n c thành viên H i ng c m t phi u b u.

(b) Một nửa số các thành viên Hội đồng lập thành số ít bị u c n thi t.

(c) Mặc dù có các điều khoản (b), nhưng tất cả các khóa học nào có số lượng các thành viên tham dự ít hơn một nửa, những học sinh này không phải là thành viên Hội đồng thì Hội đồng có thể thông qua các quy định, tuy nhiên tất cả các quy định của Hội đồng, trừ những quy định liên quan đến quy định về các chính Hội đồng, sẽ có hiệu lực nếu tuân thủ các điều kiện đi kèm. Văn phòng quản lý các quy định nói trên cho các thành viên của Hội đồng mà không cần đi kèm trong Hội đồng và yêu cầu các thành viên này thông báo bằng văn bản, trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày quy định, ý kiến về việc thông qua, phê duyệt hoặc phản đối các quy định này. Nếu thời hạn nói trên mà số lượng thành viên phê duyệt hoặc thông báo phản đối vượt quá một nửa số thành viên lập thành số ít bị u c n thi t thì chính khóa học thì các quy định nói trên sẽ có hiệu lực về điều kiện và nội dung của số phê duyệt thì sẽ được thi t.

(d) Theo các điều khoản của điều 17(2) quy định của Hội đồng thì hiện tại có hai phần của số phê duyệt quy t.

(e) Việc phê duyệt không được coi là bị u quy t.

(5) (a) Theo các điều khoản của điều (b) một số bị u ch có thể bị u quy t thay thế cho một số.

(b) Các thành viên của Liên minh nêu điều khoản (3)(b), theo quy định chung, phải được toàn thể bị u riêng của mình để các khóa học của Hội đồng. Tuy nhiên, nếu vì những lý do bất khả kháng nào đó trong số các thành viên nói trên không thể được toàn thể bị u của chính mình thì có thể ủy quyền cho một toàn thể bị u của một số khác bất kỳ trong số các thành viên thay thế mình bị u quy t, vì điều kiện một toàn thể bị u ch có thể bị u quy t theo ủy quyền thay thế cho một số. Việc ủy quyền này phải được quy định trong một văn bản do Nguyên thủ quốc gia hoặc một Bộ trưởng có thẩm quyền ký.

(6) Các n c thành viên c a Liên minh nh ng không ph i là thành viên H i ng c tham d các cu c h p c a H i ng v i t cách quan sát viên.

(7) (a) H i ng h p nh k 3 n m m t l n theo tri u t p c a T ng Giám c và tr nh ng tr ng h p c bi t, vào cùng th i gian và cùng a i m h p i H i ng c a T ch c.

(b) H i ng có th h p phiên b t th ng do T ng Giám c tri u t p theo yêu c u c a U ban ch p hành ho c theo yêu c u c a m t ph n t s n c thành viên H i ng.

(8) H i ng s chu n y các quy ch ho t ng c a mình.

i u 14

U ban ch p hành

(1) H i ng có U ban ch p hành.

(2) (a) U ban ch p hành bao g m các n c do H i ng b u ra t s các n c thành viên H i ng. Ngoài ra, n c mà trên lãnh th n c ó T ch c t tr s c a mình, m c nhiên có m t gh trong U ban, v i i u ki n tuân th các quy nh c a i u 16(7)(b).

(b) Chính ph c a m i n c thành viên U ban ch p hành do m t i bi u i đi n, i bi u này có th có các c p phó, các c v n và các chuyên viên giúp vi c.

(c) Chi phí c a m i oàn i bi u do Chính ph ã c oàn i bi u ó trang tr i.

(3) S l ng các n c thành viên U ban ch p hành b ng m t ph n t s l ng các n c thành viên c a H i ng. Khi xác nh s l ng gh c n b u, ph n d khi chia cho b n s không c tính n.

(4) Khi b u c các thành viên c a U ban ch p hành, H i ng s l u ý thích áng n s phân chia h p lý theo a lý, c ng nh n s c n thi t nh ng n c là thành viên c a các tho c c bi t ã c ký k t có

liên quan đến Liên minh, được nêu trong số những nguyên tắc lập thành Ủy ban chấp hành.

(5) (a) Mọi thành viên của Ủy ban chấp hành thể hiện chức năng của mình tại thời điểm thúc phiên họp của Hội đồng mà thành viên đó có mặt tại thời điểm thúc phiên họp thì được tính theo của Hội đồng.

(b) Các thành viên Ủy ban chấp hành có thể có buổi nghỉ tại nhà không quá hai phần ba số thành viên.

(c) Hội đồng quy định thể thức bầu cử và khoản ngân tái bầu cử của các thành viên Ủy ban chấp hành.

(6) (a) Ủy ban chấp hành phải:

(i) chuẩn bị dự thảo chương trình nghị sự của Hội đồng;

(ii) trình Hội đồng các nghị liên quan đến dự thảo chương trình và ngân sách 3 năm của Liên minh do Tổng Giám đốc chuẩn bị;

(iii) trong khuôn khổ chương trình và ngân sách 3 năm, thông qua các chương trình và ngân sách hàng năm do Tổng Giám đốc chuẩn bị;

(iv) trình Hội đồng các báo cáo thường kỳ của Tổng Giám đốc kèm theo nhận xét tổng quát và các báo cáo kiểm tra tài chính hàng năm;

(v) thi hành các biện pháp cần thiết bổ sung cho Tổng Giám đốc thể hiện các chương trình của Liên minh phù hợp với các quy định của Hội đồng, có lưu ý đến tình huống nảy sinh giữa hai phiên họp thường kỳ của Hội đồng;

(vi) thể hiện tất cả những chức năng khác được giao cho Ủy ban chấp hành theo Công ước này.

(b) Đối với các vấn đề mà các Liên minh khác do Tổng Giám đốc điều hành cùng quan tâm, Ủy ban chấp hành ra quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Ủy ban phối hợp của Tổng Giám đốc.

(7) (a) Ủy ban chấp hành họp thường kỳ ít nhất một lần theo trật tự của Tổng Giám đốc, thích hợp nhất là trong cùng thời gian và cùng địa điểm như Ủy ban phối hợp của Tổng Giám đốc.

(b) Ủy ban chấp hành họp phiên bất thường theo triệu tập của Tổng Giám đốc, hoặc theo sáng kiến của Tổng Giám đốc, hoặc theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban chấp hành hoặc một phần các thành viên Ủy ban chấp hành.

(8) (a) Minimum thành viên Ủy ban chấp hành là một phi vụ.

(b) Maximum thành viên Ủy ban chấp hành là một thành viên là biên viên cũ.

(c) Các quy tắc thông qua bằng đa số phi vụ.

(d) Việc bỏ phiếu trong không gian coi là biên quy tắc.

(e) Một biên viên có thể đi đến cho maximum và chỉ biên quy tắc thay một cho nó.

(9) Các biên viên của Liên minh, nhưng không phải là thành viên của Ủy ban chấp hành, có thể chấp nhận tham dự các cuộc họp của Ủy ban chấp hành với tư cách quan sát viên.

(10) Ủy ban chấp hành sẽ chủ trì quy chế hoạt động của mình.

điều 15

Văn phòng quốc tế

(1) (a) Các công việc hành chính liên quan đến Liên minh do Văn phòng quốc tế thực hiện, Văn phòng quốc tế là cơ quan kết nối Văn phòng của Liên minh đã chấp nhận với Văn phòng của Liên minh và thành lập theo Công ước về bộ phận các tác phẩm văn học và nghệ thuật.

(b) Chức năng Văn phòng quốc tế thực hiện chức năng Ban Thư ký của các cơ quan khác nhau của Liên minh.

(c) Tổng Giám đốc của Tổ chức là người đứng đầu Liên minh và đi đến cho Liên minh.

(2) Văn phòng quốc tế thu thập và công bố thông tin liên quan đến báo cáo của Hội đồng công nghiệp. Minimum thành viên của Liên minh phải nhanh chóng gửi cho Văn phòng quốc tế các văn bản các luật lệ và tất cả các văn

b n chính th c liên quan n b o h s h u công nghi p. Ngoài ra, còn ph i g i cho V n phòng qu c t t t c các n ph m c a C quan s h u công nghi p n c mình có liên quan tr c ti p n b o h s h u công nghi p mà V n phòng qu c t có th cho là h u ích cho ho t ng c a mình.

(3) V n phòng qu c t xu t b n công báo nh k hàng tháng.

(4) V n phòng qu c t cung c p thông tin v các v n b o h s h u công nghi p theo yêu c u c a b t k n c thành viên nào c a Liên minh.

(5) V n phòng qu c t ti n hành nghiên c u và t ch c d ch v nh m t o i u ki n thu n l i cho vi c b o h s h u công nghi p.

(6) T ng Giám c và nhân viên b t k do T ng Giám c ch nh c tham d , nh ng không có quy n b phi u, t t c các cu c h p c a H i ng, c a U ban ch p hành và U ban chuyên viên b t k ho c c a nhóm công tác khác. T ng Giám c ho c nhân viên b t k do T ng Giám c ch nh là Th ký m c nhiên c a các C quan ó.

(7) (a) V n phòng qu c t theo s ch o c a H i ng và ph i h p cùng v i U ban ch p hành chu n b các h i ngh xem xét l i các i u kho n c a Công c, tr các i u t 13 n 17.

(b) V n phòng qu c t có th tham kh o ý ki n c a các t ch c liên Chính ph v các v n liên quan n vi c chu n b các H i ngh xem xét l i Công c.

(c) T ng Giám c và nh ng ng i do T ng Giám c ch nh s tham d các H i ngh xem xét l i, nh ng không có quy n bi u quy t.

(8) V n phòng qu c t th c hi n b t k nhi m v nào khác c giao.

i u 16

Tài chính

(1) (a) Liên minh có ngân sách.

(b) Ngân sách c a Liên minh bao g m các kho n thu và chi phí c a chính Liên minh, kho n óng góp vào ngân sách dành cho chi phí chung

cả các Liên minh, và các khoản chuyển vào ngân sách Hội nghị của Tổ chức trong những trường hợp thích hợp.

(c) Các khoản chi không chỉ cho chính Liên minh mà còn cho một hoặc một số Liên minh khác do Tổ chức ưu hành được coi là chi phí chung cho các Liên minh. Phần của Liên minh trong các khoản chi chung tương ứng với lợi ích của Liên minh trong đó.

(2) Ngân sách của Liên minh được thông qua với sự lưu ý thích đáng nhu cầu ưu tiên của ngân sách của các Liên minh khác do Tổ chức ưu hành.

(3) Ngân sách của Liên minh được ly t các nguồn sau:

(i) tài trợ đóng góp của các thành viên của Liên minh;

(ii) lệ phí và các khoản thu dịch vụ của Văn phòng quốc tế liên quan tới Liên minh;

(iii) tài sản bán hoặc tài sản thu được do chuyển nhượng quyền xuất bản các ấn phẩm của Văn phòng quốc tế liên quan tới Liên minh;

(iv) quà tặng, vật phẩm theo di chúc và các khoản trợ cấp;

(v) tài sản cho thuê, tài sản lãi và các nguồn thu khác.

(4) (a) xác định mức tài trợ đóng góp của mình vào ngân sách, mỗi thành viên của Liên minh được xếp vào một nhóm nhất định và tài trợ đóng góp hàng năm của mình trên cơ sở một số lần và xác định như sau:

Nhóm I.....	25
Nhóm II.....	20
Nhóm III.....	15
Nhóm IV.....	10
Nhóm V.....	5
Nhóm VI.....	3
Nhóm VII.....	1

(b) người đại diện của mỗi quốc gia, mỗi vùng lãnh thổ hoặc vùng kinh tế tham gia, mỗi người đại diện ra một nhóm mà mình muốn xếp vào và tài trợ đóng góp hàng năm của mình làm việc đó. Bất kỳ nước nào cũng có thể thay đổi

nhóm. Nếu một thành viên của nhóm thì nên có phi tuyên bố vì của nhóm này thì khóa học thì không của Hội. Sự thay đổi này có thể có thể được điều chỉnh lại sau khóa học nói trên.

(c) Sự tiến bộ đóng góp hàng năm của mỗi cá nhân là sự mà tất cả các cá nhân có thể đóng góp vào ngân sách của Liên minh ủng hộ tất cả các cá nhân có thể đóng góp.

(d) Tiến bộ đóng góp của mỗi cá nhân phải được minh chứng bằng chứng minh.

(e) Nếu bạn tiến bộ đóng góp bằng quy định quy định tất cả các cá nhân của Liên minh mà cá nhân đó là thành viên của nhóm thì nên bằng hoặc nhiều hơn thì nên mà cá nhân đó phải trong vòng 2 năm trở lại. Tuy nhiên, bất kỳ cá nhân nào trong số các cá nhân nói trên của Liên minh cũng có thể cho phép cá nhân đó tiếp tục đóng góp quy định quy định, nếu, và chỉ nếu mà cá nhân đó còn cho rằng vì các lý do thì nên đóng góp do hoàn toàn cá nhân đó và không thể tránh khỏi.

(f) Trường hợp ngân sách không được thông qua thì khi bắt đầu năm tài chính mới thì theo quy định của Quy định tài chính, ngân sách sẽ được xem như ngân sách của năm trước.

(5) Mọi đóng góp vào các khoản thu chi mà Văn phòng quản lý thì nên liên quan đến Liên minh do Tổng Giám đốc quy định và báo cáo cho Hội đồng và Ủy ban chấp hành bí mật.

(6) (a) Liên minh có thể tuyển dụng cá nhân hình thành tổ chức nhân viên của Liên minh. Nếu tuyển dụng không được, Hội đồng sẽ tìm kiếm pháp luật về nó.

(b) Sự tiến bộ phải là cá nhân thành viên cho việc nói trên, hoặc phải đóng góp của cá nhân thành viên thì nên có thể là việc tiến bộ đóng góp của cá nhân này trong năm hình thành việc hoặc thông qua quy định về việc tiến bộ.

(c) T l và i u ki n n p ti n do H i ng quy nh theo ngh c a T ng Giám c sau khi ã nghe ý ki n c a U ban ph i h p c a T ch c.

(7) (a) Trong Hi p nh v tr s c ký k t v i n c mà trên lãnh th n c ó t tr s c a T ch c có quy nh r ng trong tr ng h p v n l u ng b thi u thì n c ó có th cho vay. Ch ng nào n c ó v n còn có ngh a v cho vay, n c ó m c nhiên có m t gh trong U ban ch p hành.

(b) N c nêu i m (a) và T ch c u có quy n hu b ngh a v cho vay b ng v n b n thông báo. Vi c hu b này có hi u l c sau 3 n m sau khi k t thúc n m có thông báo.

(8) Vi c ki m tra tài chính do m t ho c m t s n c thành viên c a Liên minh ho c nh ng ng i ki m toán bên ngoài ti n hành nh quy nh c a Quy ch v tài chính. Nh ng ng i này do H i ng ch nh v i s ch p thu n c a h .

i u 17

S a i các i ut 13 n 17

(1) Nh ng ki n ngh v vi c s a i các i u 13, 14, 15, 16 và i u này, có th do b t k n c nào là thành viên H i ng, do U ban ch p hành ho c do T ng Giám c xu t. Các ki n ngh trên c T ng Giám c thông báo cho các n c thành viên H i ng trong th i h n ít nh t là 6 tháng tr c khi H i ng xem xét.

(2) Vi c s a i các i u nêu kho n (1) ph i c H i ng thông qua. c thông qua òi h i ph i có ba ph n t s phi u thu n, tuy nhiên b t k s a i nào i v i i u 13 và kho n này c n ph i có b n ph n n m s phi u thu n.

(3) B t k s a i nào i v i các i u nêu kho n (1) u s có hi u l c sau m t tháng k t khi T ng Giám c nh n c v n b n thông báo ch p nh n s a i c th c hi n phù h p v i lu t pháp c a t ng n c

t ba ph n t s n c thành viên c a H i ng t i th i i m H i ng thông qua vi c s a i. B ng b t k s s a i nào i v i các i u nêu trên khi ã c thông qua nh v y u là i u b t bu c i v i t t c các n c thành viên c a H i ng t i th i i m s s a i có hi u l c ho c n c tr thành thành viên c a H i ng sau th i i m ó. Tuy nhiên b t k s s a i nào làm t ng ngh a v tài chính c a các n c thành viên c a Liên minh s ch b t bu c i v i nh ng n c ã thông báo ch p nh n s s a i ó.

i u 18

Xem xét l i các i u t 1 n 12 và t 18 n 30

(1) Công c này có th c xem xét l i v i m c ích a vào Công c nh ng s a i nh m hoàn thi n h th ng Liên minh.

(2) th c hi n công vi c ó, h i ngh i bi u các n c thu c Liên minh s l n l t c t ch c t i m t trong các n c thu c Liên minh.

(3) Vi c s a i các i u t 13 n 17 c th c hi n theo các quy nh c a i u 17.

i u 19

Các tho thu n riêng

i u này c hi u r ng các n c thành viên c a Liên minh v n dành cho mình quy n ký k t gi a các n c v i nhau các tho thu n riêng v b o h s h u công nghi p n u các tho thu n ó không trái v i các i u kho n c a Công c này.

i u 20

*Phê chu n ho c gia nh p c a các n c thành viên c a Liên minh,
hi u l c c a Công c*

(1) (a) Bất kỳ thành viên nào của Liên minh đã ký Văn kiện này đều có thể phê chuẩn, hoặc nếu cần có thể ký thì có thể gia nhập Công ước. Các văn kiện phê chuẩn hoặc các văn kiện tham gia cần phải cho Tổng Giám đốc.

(b) Bất kỳ thành viên nào của Liên minh cũng có thể tuyên bố trong văn kiện phê chuẩn hoặc văn kiện tham gia của mình rằng việc phê chuẩn hoặc gia nhập không áp dụng vì:

(i) các điều 1 đến 12, hoặc

(ii) các điều 13 đến 17.

(c) Bất kỳ thành viên nào của Liên minh mà theo điều (b) đã loại bỏ một phần trong số hai nhóm điều nêu trong điều 13 có thể tuyên bố vào bất kỳ thời điểm nào sau này rằng nó có thể rút phần vi hiệul của việc phê chuẩn hoặc tham gia sang các nhóm điều nói trên. Bản tuyên bố như vậy cần phải cho Tổng Giám đốc.

(2) (a) Điều 10 thành viên ưu tiên của Liên minh đã nộp văn kiện phê chuẩn hoặc văn kiện tham gia mà không tuyên bố như vậy thì ít nhất trong (1)(b)(i), các điều 1 đến 12 bắt đầu có hiệul sau 3 tháng kể từ khi văn kiện phê chuẩn hoặc văn kiện tham gia thì 10 cần phải.

(b) Điều 10 thành viên ưu tiên của Liên minh đã nộp văn kiện phê chuẩn hoặc văn kiện tham gia mà không tuyên bố như vậy thì ít nhất trong (1)(b)(ii), các điều 13 đến 17 bắt đầu có hiệul sau 3 tháng kể từ khi văn kiện phê chuẩn hoặc văn kiện tham gia thì 10 cần phải.

(c) Theo các quy định của điều (a) và (b), trong trường hợp có hiệul của điều 10 thành viên ưu tiên của một nhóm trong số hai nhóm điều nêu trong (1)(b)(i) và (ii), cũng như trong trường hợp tuân thủ các quy định của (1)(b), các điều 1 đến 17 bắt đầu có hiệul của điều 10 thành viên nào của Liên minh có nộp văn kiện phê chuẩn hoặc văn kiện tham gia, trừ những điều nêu trong các điều (a) và (b), cũng như điều 10 thành viên nào của Liên minh có tuyên bố theo (1)(c): sau 3

Nếu trong vụ kiện tham gia này có nêu rõ một thì i i m mu n h n thì Vụ kiện này bắt đầu có hiệu lực i v i n c ó t th i i m c nêu trên.

(b) i v i m t n c b t k không phải là thành viên của Liên minh nh ng ã n p l u v n k i n tham gia của mình vào thì i i m sau khi có hiệu lực của một nhóm i u b t k trong Vụ kiện này, hoặc vào thì i i m trước ít nhất 1 tháng, thì Vụ kiện này bắt đầu có hiệu lực, v i i u k i n tuân thủ các quy nh của i m (a), sau 3 tháng kể từ thì i i m T ng Giám c ra thông báo về việc gia nhập của n c ó, trừ trường hợp trong vụ kiện tham gia có nêu một thì i i m mu n h n. Trong trường hợp sau cùng Vụ kiện này bắt đầu có hiệu lực i v i n c ó t th i i m c nêu.

(3) i v i m t n c b t k không phải là thành viên của Liên minh nh ng ã n p l u v n k i n tham gia sau thì i i m có hiệu lực toàn bộ Vụ kiện này, hoặc trước thì i i m ít nhất 1 tháng, Vụ kiện này bắt đầu có hiệu lực sau 3 tháng kể từ thì i i m T ng Giám c ra thông báo về việc gia nhập của n c ó, trừ trường hợp trong vụ kiện tham gia có nêu một thì i i m mu n h n. Trong trường hợp sau cùng Vụ kiện này bắt đầu có hiệu lực i v i n c ó t th i i m c nêu.

i u 22

K t qu c a vi c phê chu n hoc gia nh p

Trình tự trình hợp nghị i l c ch p nh n theo các i u 20(1)(b) và 28(2), về phê chuẩn và tham gia t ng có kết quả là thành n t t c các i u kho n và nh n c t t c các l i th do Vụ kiện này quy nh.

i u 23

Gia nh p các v n k i n tr c ó

Sau khi toàn bộ Văn kiện này có hiệu lực, các thành viên không tham gia các Văn kiện trước của Công ước này.

Điều 24

Lãnh sự

(1) Bất kỳ nước nào có thể tuyên bố trong văn kiện phê chuẩn hoặc văn kiện tham gia của mình hoặc bất kỳ thời điểm nào sau đó gửi cho Tổng Giám đốc thông báo bằng văn bản rằng Công ước này sẽ áp dụng ở mọi nơi toàn bộ hoặc một phần lãnh thổ nêu trong tuyên bố hoặc trong thông báo mà có quan hệ trực tiếp do nước đó chịu trách nhiệm.

(2) Bất kỳ nước nào đã tuyên bố như vậy hoặc đã gửi thông báo như vậy có thể vào bất kỳ thời điểm nào thông báo cho Tổng Giám đốc về việc chấm dứt áp dụng Công ước này ở mọi nơi toàn bộ hoặc một phần lãnh thổ như vậy.

(3) (a) Bất kỳ tuyên bố nào sẽ có hiệu lực theo khoản (1) của điều này có hiệu lực cùng thời điểm với việc phê chuẩn hoặc gia nhập mà trong thông báo có tuyên bố đó, và bất kỳ thông báo nào sẽ gửi theo khoản nói trên của điều này có hiệu lực sau 3 tháng kể từ khi Tổng Giám đốc ra thông báo về việc đó.

(b) Bất kỳ thông báo nào sẽ gửi theo khoản (2) của điều này có hiệu lực sau 3 tháng kể từ khi Tổng Giám đốc ra thông báo về việc đó.

Điều 25

Áp dụng Công ước trong phạm vi quốc gia

(1) Mọi nước tham gia Công ước này có trách nhiệm đưa ra những biện pháp cần thiết, theo Hiến pháp của mình, để bảo đảm cho việc thực hiện Công ước này.

(2) i u ó hàm ý r ng m i n c, vào th i i m n p l u v n ki n phê chu n ho c v n ki n tham gia, ã có kh n ng, theo lu t pháp c a mình, th c thi các i u kho n c a Công c này.

i u 26

Bãi c

(1) Công c này có hi u l c vô th i h n.

(2) B t k n c nào c ng có th bãi c b ng cách g i thông báo cho T ng Giám c. Vi c bãi c nh v y c ng là bãi b t t c các V n ki n tr c ó và ch áp d ng i v i n c tuyên b bãi c, trong khi ó i v i t t c các n c thành viên c a Liên minh còn l i, Công c v n gi nguyên hi u l c và ph i thi hành.

(3) Vi c bãi c b t u có hi u l c sau 1 n m k t ngày T ng Giám c nh n c thông báo.

(4) Không m t n c nào có th s d ng quy n bãi c quy nh trong i u này tr c khi k t thúc th i h n 5 n m tính t ngày n c ó tr thành thành viên c a Liên minh.

i u 27

Áp d ng các v n ki n tr c ây

(1) V n ki n này thay th Công c Pari ngày 20.3.1883 và các V n ki n ti p sau ó v i c xem xét l i Công c Pari trong quan h gi a các n c c ng nh trong ph m vi mà Công c áp d ng.

(2) (a) i v i nh ng n c ch a áp d ng V n ki n này ho c có áp d ng nh ng ch a ph i toàn b V n ki n này ng th i áp d ng V n ki n Lisbon ngày 31.10.1958 thì V n ki n v a nêu cu i cùng s gi nguyên hi u l c ho c là toàn b ho c trong ph m vi mà V n ki n này không thay th V n ki n ó theo kho n (1)(c).

(b) T ng t nh v y, i v i nh ng n c không áp d ng V n ki n này, không áp d ng m t ph n nào ó c a V n ki n này và c ng không áp d ng V n ki n Lisbon thì V n ki n Luân ôn ngày 2.6.1934 s gi nguyên hi u l c ho c là toàn b ho c trong ph m vi mà V n ki n này không thay th V n ki n ó theo kho n (1).

(c) T ng t nh v y, i v i nh ng n c không áp d ng V n ki n này, không áp d ng m t ph n nào ó c a V n ki n này, không áp d ng V n ki n Lisbon và c ng không áp d ng V n ki n Luân ôn thì V n ki n La Hay ngày 6.11.1925 s gi nguyên hi u l c ho c là toàn b ho c trong ph m vi mà V n ki n này không thay th V n ki n ó theo kho n (1).

(3) Nh ng n c không ph i là thành viên c a Liên minh nh ng ã tham gia V n ki n này, s áp d ng V n ki n này trong quan h v i b t k n c thành viên nào c a Liên minh nh ng ch a gia nh p V n ki n này ho c ã gia nh p V n ki n này và ã tuyên b theo i u 20(1)(b)(i). Nh ng n c nh v y th a nh n r ng n c thành viên c a Liên minh nói trên có th áp d ng, trong quan h c a mình, các quy nh c a V n ki n cu i cùng tr c ó mà n c nói trên ã gia nh p.

i u 28

Gi i quy t tranh ch p

(1) B t k tranh ch p nào gi a hai ho c nhi u n c thành viên c a Liên minh có liên quan n vi c gi i thích ho c áp d ng Công c này mà không gi i quy t c b ng con ng àm phán, u có th c m t n c b t k có liên quan a ra xét x t i Toà án qu c t b ng cách n p n theo Quy ch c a Toà án, tr phi các n c nói trên tho thu n c bi n pháp gi i quy t khác. N c thành viên ã a v tranh ch p này ra Toà án ph i thông báo cho V n phòng qu c t v v tranh ch p; V n phòng qu c t ph i thông báo vi c này cho t t c các n c thành viên khác.

(2) Vào thời điểm ký Văn kiện này hoặc thời điểm nộp lưu văn kiện phê chuẩn hoặc văn kiện tham gia, bất kỳ nước nào cũng có thể tuyên bố rằng mình không coi là ràng buộc bởi khoản (1). Điều này trong các tranh chấp giữa nước này với các nước khác của Liên minh sẽ không áp dụng quy định của khoản (1).

(3) Bất kỳ nước nào đã tuyên bố theo các quy định của khoản (2) cũng có thể rút tuyên bố đó vào bất kỳ thời điểm nào bằng cách gửi thông báo cho Tổng Giám đốc.

ĐIỀU 29

Ký kết, ngôn ngữ, chính thức và lưu giữ

(1) (a) Văn kiện này sẽ ký kết trên một bản gốc duy nhất bằng tiếng Pháp và sẽ nộp lưu cho Chính phủ Thuỵ Điển.

(b) Các Văn bản chính thức do Tổng Giám đốc lập, sau khi trao đổi với các Chính phủ quan tâm, bằng các thủ tục Anh, Đức, Italia, Bồ Đào Nha, Nga và Tây Ban Nha, và các thủ tục khác mà Hội đồng có thể chỉ định.

(c) Trong trường hợp có bất đồng về việc lựa chọn các văn bản khác nhau thì văn bản tiếng Pháp sẽ có ưu thế.

(2) Văn kiện này cũng sẽ ký kết tại Stockholm cho đến ngày 13.1.1968.

(3) Tổng Giám đốc gửi hai bản sao của Văn kiện đã ký kết này, có chứng thực của Chính phủ Thuỵ Điển, cho Chính phủ của tất cả các nước thành viên của Liên minh, và theo yêu cầu, cho Chính phủ của bất kỳ nước nào khác.

(4) Tổng Giám đốc cũng ký Văn kiện này với Ban Thư ký của Liên minh.

(5) Tổng Giám đốc thông báo cho Chính phủ của tất cả các nước thành viên của Liên minh về việc ký kết, nộp lưu văn kiện phê chuẩn hoặc

v n ki n tham gia và v các tuyên b có trong các v n b n ó ho c c th c hi n theo i u 20(1)(c), v vì c có hi u l c c a b t k i u kho n nào c a V n ki n này, v các thông báo bãi c và v các thông báo theo i u 24.

i u 30

Các i u kho n chuy n ti p

(1) Tr c khi T ng Giám c u tiên nh m ch c, nh ng n i dung trong V n ki n này c p n V n phòng qu c t c a T ch c ho c n T ng Giám c s c coi là t ng ng c p n V n phòng c a Liên minh ho c n Giám c V n phòng.

(2) Các n c thành viên c a Liên minh không b ràng bu c b i các i u t 13 n 17, có th , trong vòng 5 n m sau khi Công c v vì c thành l p T ch c b t u có hi u l c, s d ng các quy n quy nh t i các i u t 13 n 17 c a V n ki n này, n u h mu n, nh th chính h c ng b ràng bu c b i các i u này. B t k n c nào mu n s d ng các quy n nh v y ph i g i thông báo b ng v n b n cho T ng Giám c v m c ích ó, thông báo nh v y s có hi u l c t ngày nh n c. Các n c nh v y c coi là thành viên c a H i ng cho n khi h t th i h n nói trên.

(3) Ch ng nào t t c các n c thành viên c a Liên minh ch a tr thành thành viên c a T ch c thì V n phòng qu c t c a T ch c v n còn ho t ng kiêm c ch c n ng c a V n phòng c a Liên minh, còn T ng Giám c v n làm vi c v i t cách là Giám c c a V n phòng ó.

(4) Ngay sau khi t t c các n c thành viên c a Liên minh tr thành thành viên c a T ch c, các quy n, trách nhi m và tài s n c a V n phòng c a Liên minh s c chuy n giao cho V n phòng qu c t c a T ch c.